

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
1	Mai Phạm Hoàng	An	19128003	21/10/2001	6.60	5.00	7.30	8.50	8.60	7.20	x
2	Ngô Hoàng	An	20125313	19/02/2002	5.40	7.00	3.60	2.30	3.10	4.30	
3	Lê Minh	An	21122471	20/08/2003	4.50	0.00	0.00	0.00	6.50	2.20	
4	Lê Thế	An	19126001	14/09/2001	5.00	6.80	5.50	8.30	0.00	5.10	
5	Nguyễn Bảo	An	19139002	15/04/2001	4.60	8.10	2.50	8.00	2.30	5.10	
6	Nguyễn Bình	An	22128005	01/08/2004	6.80	6.00	5.50	8.30	7.10	6.70	x
7	Nguyễn Thị Thúy	An	19139004	04/05/2001	3.30	0.00	2.60	0.00	2.10	1.60	
8	Trần Nhã Hoài	An	18115002	31/10/2000	4.20	8.10	2.50	5.00	7.50	5.50	
9	Bùi Hoàng	Anh	21113144	23/09/2003	6.50	6.50	3.80	7.80	7.60	6.40	
10	Bùi Nhật	Anh	21111184	05/08/2003	8.50	5.00	7.90	7.80	6.60	7.20	x
11	Dương Quốc	Anh	20116169	15/11/2002	5.40	6.60	6.40	8.30	5.00	6.30	x
12	Khiếu Hoàng Lan	Anh	21111186	12/05/2003	5.90	6.50	5.00	7.00	7.40	6.40	x
13	Lê Ngọc Hà	Anh	21123204	05/10/2003	6.60	8.60	5.00	7.00	7.00	6.80	x
14	Đặng Ngọc	Anh	22120005	13/03/2004	6.60	7.00	5.00	7.80	5.00	6.30	x
15	Nguyễn Hoàng	Anh	20139006	18/10/2002	5.50	8.00	7.00	7.80	5.00	6.70	x
16	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Anh	21111007	12/11/2003	6.70	7.50	5.60	8.50	8.30	7.30	x
17	Nguyễn Thị Tú	Anh	22128014	30/10/2004	5.20	6.10	0.00	3.10	5.50	4.00	
18	NGUYỄN THÚY	ANH	23112016	08/09/2005	6.60	3.80	6.30	2.30	6.50	5.10	
19	Đinh Huỳnh Lan	Anh	21115001	21/11/2003	4.70	8.60	4.50	8.60	8.40	7.00	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
20	Đinh Thế	Anh	20118115	06/10/2002	7.10	5.40	6.90	8.50	7.60	7.10	x
21	Phạm Thị Tú	Anh	20125320	03/10/2002	5.90	3.10	0.00	7.50	2.30	3.80	
22	Phùng Xuân	Anh	22124011	14/05/2004	5.10	5.00	6.10	8.50	6.60	6.30	x
23	Trần Hoàng	Anh	21154123	13/12/2003	4.00	3.40	4.60	8.10	3.10	4.60	
24	Trần Phạm Trâm	Anh	21129550	01/10/2003	4.80	2.00	4.30	7.00	7.60	5.10	
25	Trần Quyền	Anh	18154007	12/04/2000	3.10	5.00	3.40	8.30	5.00	5.00	
26	Trần Thị Kim	Anh	21129551	28/10/2003	4.90	3.90	4.60	7.80	8.10	5.90	
27	Aty	Aty	19113196	15/10/2001	5.00	6.00	4.30	7.80	5.00	5.60	
28	Trương Ngọc	Anh	20125011	05/09/2002	6.70	5.60	6.10	8.80	5.00	6.40	x
29	Nguyễn Văn	Bằng	22113005	21/01/2004	4.00	5.60	5.90	6.10	0.00	4.30	
30	Văn Khánh	Bằng	22112021	27/02/2004	5.70	2.80	6.10	8.10	6.60	5.90	
31	Lê Diệp	Bách	21138005	24/12/2003	5.00	5.00	1.30	6.50	5.00	4.60	
32	Thiên Nhật	Bản	22122024	17/03/2004	6.60	3.50	4.50	7.50	6.40	5.70	
33	Lê Thái	Bảo	22118013	05/12/2004	7.40	7.00	5.00	8.00	8.60	7.20	x
34	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	22124015	29/10/2004	7.90	7.30	7.80	8.30	6.40	7.50	x
35	Phan Thiên	Bảo	21129559	04/04/2003	6.70	7.30	2.50	8.30	5.00	6.00	
36	Trương Nguyễn Gia	Bảo	21122491	07/02/2003	6.00	7.00	8.10	7.80	4.00	6.60	
37	Mai Tấn	Bình	22112027	28/09/2004	6.90	8.50	6.00	8.00	7.10	7.30	x
38	Nguyễn Quốc	Bình	20126193	13/04/2002	6.20	7.00	2.30	0.00	1.50	3.40	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
39	Nguyễn Văn	Bình	20138073	16/12/2002	5.00	5.00	3.80	7.50	1.00	4.50	
40	Đinh Nguyễn Như	Bình	21128213	25/10/2003	6.60	2.00	5.50	7.80	5.00	5.40	
41	Đỗ Thanh	Bình	21135251	12/11/2003	6.30	8.50	6.50	6.50	6.50	6.90	x
42	Trần Thanh	Bình	20118125	01/07/2002	6.50	6.00	6.80	6.00	7.60	6.60	x
43	Nguyễn Thanh	Cảnh	22149006	31/08/2004	6.60	9.10	3.80	8.60	7.10	7.00	
44	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	21155065	13/01/2003	6.30	6.00	4.50	8.60	1.30	5.30	
45	Hồ Minh	Châu	20112193	13/11/2002	5.40	8.00	6.60	2.00	2.30	4.90	
46	LÂM NGỌC QUỲNH	CHÂU	23112028	23/06/2005	6.90	5.60	3.40	8.30	7.00	6.20	
47	Lê Nguyễn Quỳnh	Châu	21155066	17/06/2003	6.90	9.00	6.10	9.50	5.00	7.30	x
48	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	21125040	26/11/2003	5.40	7.00	5.30	8.60	5.00	6.30	x
49	Nguyễn Thị Minh	Châu	21129571	18/04/2002	5.60	3.50	3.00	7.80	5.00	5.00	
50	Lê Thị	Chỉnh	22123018	06/05/2004	6.50	7.00	3.80	1.80	4.00	4.60	
51	Đỗ Thị Quỳnh	Chi	20124271	06/01/2002	5.20	3.30	5.00	5.00	5.00	4.70	
52	Trần Ngọc Lan	Chi	20112196	07/10/2002	5.70	3.60	5.90	6.60	3.60	5.10	
53	Võ Thị Kim	Chi	21126291	08/01/2003	6.80	7.00	6.00	7.30	5.50	6.50	x
54	NGUYỄN MINH	CHÍ	23124022	19/10/2005	7.90	9.30	7.30	7.30	7.40	7.80	x
55	Phạm Doanh	Chính	21138094	14/06/2003	5.90	8.00	5.50	8.10	6.50	6.80	x
56	Phạm Thành	Chính	22126024	12/11/2004	6.30	6.10	2.40	6.60	6.10	5.50	
57	Trương Văn	Chung	21154135	02/05/2003	4.50	5.50	5.80	0.00	5.00	4.20	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
58	Giáp Văn	Chuyên	22122031	23/09/2004	7.10	6.80	8.00	8.10	7.60	7.50	x
59	Huỳnh Phi	Công	20122261	05/03/2002	5.10	9.10	5.00	8.60	7.50	7.10	x
60	Đỗ Chí	Công	20124275	22/02/2002	5.90	7.00	4.40	6.60	5.50	5.90	
61	Phạm Thành	Công	21126294	10/12/2003	7.30	5.40	6.90	8.50	5.00	6.60	x
62	Võ Thành	Công	21154140	27/06/2003	5.30	5.50	4.00	9.00	1.50	5.10	
63	Nguyễn Hoàng	Cường	20116178	21/06/2002	7.90	8.50	9.10	8.50	5.50	7.90	x
64	VÕ XUÂN	CƯỜNG	23129071	11/03/2005	3.90	5.00	5.50	7.50	5.00	5.40	
65	Nguyễn Xuân	Dân	22118026	15/05/2004	5.90	7.00	3.50	1.50	6.60	4.90	
66	Đặng Trần	Danh	21154146	20/07/2003	7.80	5.00	7.00	7.80	6.30	6.80	x
67	Đinh Thuy	Danh	19126021	27/01/2001	6.60	8.50	7.00	7.80	8.60	7.70	x
68	Phan Xuân	Danh	21124314	01/01/2003	4.90	0.00	0.00	0.00	7.00	2.40	
69	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	21129588	12/02/2003	5.60	5.00	5.00	6.30	2.80	4.90	
70	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	21139253	01/09/2003	5.00	8.00	4.00	3.00	0.00	4.00	
71	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	22117006	02/06/2004	7.20	5.50	5.00	8.10	5.50	6.30	x
72	Lương Thị Thanh	Diệu	21120353	12/04/2003	4.50	5.00	5.50	3.30	6.50	5.00	
73	Nguyễn Hồng	Diệu	21145016	23/07/2003	7.30	5.40	5.60	6.60	6.30	6.20	x
74	Võ Thị Thúy	Diệu	21129591	24/06/2003	5.60	2.00	7.30	6.00	1.50	4.50	
75	Huỳnh Ngọc Thuỳ	Dương	21126037	06/07/2003	7.20	8.50	2.50	7.80	5.00	6.20	
76	Trần Thị Thùy	Dương	20120176	17/09/2002	5.10	6.60	3.90	8.50	6.00	6.00	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
77	Lê Quý	Dưỡng	21152043	09/08/2003	5.40	6.30	6.50	7.80	2.50	5.70	
78	Lê Hiền	Dịu	21155073	26/02/2003	5.50	7.50	5.00	4.00	5.50	5.50	
79	Lâm Phương	Du	21128220	18/08/2003	6.30	8.30	8.00	7.50	6.30	7.30	x
80	Hà Thùy	Dung	21122514	16/05/2003	5.90	6.10	5.40	8.00	9.40	7.00	x
81	Phạm Quốc	Dũng	16120050	07/07/1998	4.10	0.40	3.10	8.00	2.10	3.50	
82	Trương Tấn	Dũng	21154154	30/01/2003	5.50	6.10	6.90	8.00	2.80	5.90	
83	HUỲNH THANH	DUY	23139009	12/09/2005	6.00	8.00	5.00	7.80	3.50	6.10	
84	Nguyễn Anh	Duy	19112245	05/01/2001	6.40	8.00	6.30	7.80	3.50	6.40	
85	Nguyễn Quốc	Duy	21154158	16/10/2003	6.70	5.30	6.00	7.50	5.50	6.20	x
86	Nguyễn Trường	Duy	21130637	22/08/2003	5.90	7.00	5.60	7.50	1.30	5.50	
87	Đoàn Phương	Duy	21129600	14/02/2003	7.60	7.00	5.00	7.50	7.60	6.90	x
88	Phạm Trần Khánh	Duy	20145107	16/09/2002	6.60	7.90	7.00	7.90	5.00	6.90	x
89	Tăng Trương Khánh	Duy	20126225	18/06/2002	5.90	5.50	2.40	0.00	6.50	4.10	
90	TRẦN KHÁNH	DUY	24145034	03/09/2005	5.40	5.00	4.30	8.30	5.00	5.60	
91	Trần Ngọc	Duy	22120033	10/10/2004	5.80	7.00	5.00	5.60	6.80	6.00	x
92	Lê Mỹ	Duyên	21123024	23/09/2003	7.10	8.50	5.60	8.50	8.30	7.60	x
93	LÊ NGUYỄN THÙY	DUYÊN	23122042	10/12/2005	4.70	5.00	5.90	7.30	0.00	4.60	
94	Nguyễn Hoài Mỹ	Duyên	21113174	07/01/2003	5.40	7.00	5.60	8.30	6.90	6.60	x
95	Nguyễn Hoàng Mỹ	Duyên	21120367	06/10/2003	7.90	8.50	8.00	9.00	7.10	8.10	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
96	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	21126316	15/03/2003	5.90	6.30	6.80	8.10	7.00	6.80	x
97	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	22138029	30/01/2004	4.60	6.50	6.00	7.50	3.80	5.70	
98	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	21116020	16/04/2003	5.40	6.40	4.40	6.40	5.40	5.60	
99	Huỳnh Thị	Giang	21117008	20/07/2003	4.80	2.80	3.50	8.30	3.30	4.50	
100	Trần Thị	Giang	20126235	02/06/2002	5.50	4.50	3.00	5.50	5.00	4.70	
101	Trịnh Thị Phương	Giang	21129614	11/06/2003	5.10	7.50	5.60	7.80	4.10	6.00	
102	Nguyễn Văn	Giàu	21154161	12/08/2003	5.70	7.30	4.00	7.80	3.00	5.60	
103	Trần Phước	Giàu	21125083	28/12/2003	7.00	7.00	6.60	8.50	5.00	6.80	x
104	Nguyễn Văn	Giáp	22118045	26/09/2004	5.80	7.00	5.00	5.00	7.10	6.00	x
105	Bùi Mai Bảo	Hân	21125089	26/03/2003	7.80	6.90	10.00	8.30	8.60	8.30	x
106	Huỳnh Thị Thảo	Hân	22122078	03/05/2004	5.20	6.60	3.40	8.00	6.30	5.90	
107	Đặng Bảo	Hân	19154036	22/01/2001	5.10	5.50	2.80	7.00	9.30	5.90	
108	Tô Gia	Hân	21125094	03/02/2003	7.00	7.30	7.00	8.10	7.00	7.30	x
109	Trần Ngọc	Hân	21126327	08/03/2003	7.10	9.00	6.10	7.80	8.10	7.60	x
110	Võ Ngọc Bảo	Hân	20139206	08/01/2002	5.80	7.00	6.90	8.10	5.00	6.60	x
111	Vũ Gia	Hân	21129634	17/06/2003	7.10	8.60	6.10	10.00	3.60	7.10	
112	Lê Xuân	Hậu	22122097	12/01/2004	6.40	5.30	3.80	8.30	5.60	5.90	
113	Nguyễn Thị Bích	Hậu	19125092	17/05/2001	5.20	5.00	4.60	7.80	2.40	5.00	
114	Nguyễn Kim	Hằng	22124056	03/07/2004	7.90	8.30	6.50	8.50	7.10	7.70	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
115	Nguyễn Thanh	Hằng	18139046	25/01/2000	7.90	6.60	6.60	7.50	7.30	7.20	x
116	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	20126240	02/11/2002	5.30	6.60	4.10	8.00	5.00	5.80	
117	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	23124059	10/10/2005	5.90	5.00	3.80	6.50	1.00	4.40	
118	Nguyễn Thị Thu	Hà	14123212	10/06/1995	6.00	5.00	4.50	6.30	0.00	4.40	
119	Hoàng Đức	Hải	21122535	27/11/2003	5.80	7.00	5.00	6.60	2.10	5.30	
120	Lê Thị Thanh	Hảo	21120062	09/01/2003	6.10	3.50	5.00	8.50	6.50	5.90	
121	Võ Hoàn	Hảo	20139208	01/01/2002	5.70	5.40	6.10	0.90	2.60	4.10	
122	Trần Phước	Hên	20126243	14/05/2002	5.90	5.00	5.00	8.00	5.00	5.80	x
123	Lê Ngọc	Hiền	20139211	10/11/2002	7.10	6.60	6.40	10.00	7.40	7.50	x
124	Lê Thị Mỹ	Hiền	19111037	08/09/2001	5.60	6.50	6.50	8.30	5.00	6.40	x
125	Trần Thị Thu	Hiền	22112100	16/02/2003	7.10	5.00	6.00	8.60	6.90	6.70	x
126	Võ Ngọc Mỹ	Hiền	22112101	29/05/2004	5.70	7.30	6.80	8.10	9.30	7.40	x
127	Vũ Thị Diệu	Hiền	21122550	10/02/2003	4.50	6.10	3.00	0.80	5.00	3.90	
128	Phạm Quang	Hiển	22122104	03/09/2004	4.50	1.30	2.00	1.30	7.00	3.20	
129	Trần Minh	Hiển	21129654	19/11/2003	7.70	7.80	8.00	7.80	7.60	7.80	x
130	Diệp Ngọc	Hiếu	22124064	12/10/2004	7.60	7.00	6.00	8.30	6.30	7.00	x
131	LÊ BÁ MINH	HIẾU	23138024	19/07/2005	5.50	7.00	5.00	8.30	5.00	6.20	x
132	Nguyễn Minh	Hiếu	22152015	16/05/2004	6.80	5.50	7.00	7.50	6.40	6.60	x
133	Đinh Nguyễn Trung	Hiếu	21120067	31/10/2003	4.60	0.00	1.90	0.00	3.60	2.00	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
134	Đinh Đức	Hiếu	22138035	10/04/2004	7.70	5.00	6.60	7.50	7.90	6.90	x
135	Trần Minh	Hiếu	18120063	29/06/2000	5.70	6.60	5.40	5.60	8.60	6.40	x
136	Nguyễn Như	Hoa	22155038	25/05/2004	5.70	5.00	4.40	7.00	5.00	5.40	
137	Châu Kim	Hồng	21129667	22/06/2003	6.90	7.00	3.50	5.00	6.00	5.70	
138	Kiều Hiền Hoa	Hồng	21120391	29/10/2003	6.20	6.80	6.50	8.30	3.00	6.20	
139	Nguyễn Thị Thu	Hồng	21120392	08/05/2003	6.70	7.30	7.30	7.80	3.00	6.40	
140	LÊ MINH	HOÀI	23130113	24/10/2005	5.70	8.60	5.00	8.00	5.60	6.60	x
141	Nguyễn Đức	Hoài	21154178	28/10/2003	4.30	8.30	5.40	8.30	2.10	5.70	
142	Cao Nhật	Hoàng	21120389	20/12/2002	6.80	5.30	5.80	8.30	3.00	5.80	
143	Kiều Xuân	Hoàng	22113025	09/01/2004	4.50	4.60	4.60	0.00	1.10	3.00	
144	Đào Thị Thanh	Hoàng	20111199	13/12/2002	7.30	5.00	4.10	9.00	6.10	6.30	
145	Nguyễn Huy	Hoàng	21124359	04/03/2003	4.80	7.30	5.50	7.80	8.00	6.70	
146	Nguyễn Tiến	Hoàng	22153043	08/10/2004	5.20	7.00	2.90	5.60	3.10	4.80	
147	TRẦN LÊ MINH	HOÀNG	23145041	08/11/2005	7.60	7.30	5.00	6.00	6.60	6.50	x
148	Châu Gia	Hưng	20124326	29/04/2002	5.20	7.00	8.60	7.00	5.00	6.60	x
149	Đào Tấn	Hưng	21120393	14/10/2003	5.10	3.00	5.80	8.10	5.90	5.60	
150	Nguyễn Văn Vũ	Hưng	21127098	13/09/2003	4.40	6.80	5.50	7.80	6.50	6.20	
151	Thái Nguyễn Quốc	Hưng	21120078	14/02/2003	8.40	8.10	8.00	7.80	8.30	8.10	x
152	Trần Tấn	Hưng	22122126	30/06/2004	5.50	6.00	4.00	8.00	5.60	5.80	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
153	Trần Vũ	Hưng	21137081	20/08/2003	5.90	7.80	4.80	0.00	2.00	4.10	
154	Chung Cẩm	Hòa	21139297	02/05/2003	5.90	6.50	4.50	2.50	7.50	5.40	
155	Lê Hoàng An	Hòa	21154176	12/11/2003	4.90	6.30	6.50	8.50	6.00	6.40	
156	Phạm Thanh	Hòa	21129664	22/05/2003	7.40	6.00	8.00	8.50	7.90	7.60	x
157	Phan Thái	Hòa	21122555	14/04/2003	5.20	8.00	6.00	9.00	3.00	6.20	
158	Huỳnh Thị Mỹ	Hương	19112252	26/12/2000	5.80	6.50	6.80	7.80	3.00	6.00	
159	Vũ Thị Thúy	Hương	21132034	31/05/2003	4.80	7.50	3.00	8.10	6.60	6.00	
160	Lê Gia	Huấn	20145112	21/08/2002	4.90	0.00	5.00	7.50	6.30	4.70	
161	Đinh Việt	Hùng	20122326	12/10/2002	5.70	8.00	8.00	8.40	7.60	7.50	x
162	Dương Lê Gia	Huy	20122331	17/12/2002	5.70	7.80	5.60	9.00	8.40	7.30	x
163	Hà Gia	Huy	20126257	08/01/2002	6.80	7.00	3.30	7.50	3.00	5.50	
164	Hoàng Gia	Huy	20125430	17/04/2002	7.80	6.60	5.60	7.00	5.40	6.50	x
165	Nguyễn Bá	Huy	20118172	30/05/2002	4.60	0.00	0.00	0.00	5.00	1.90	
166	Nguyễn Mậu	Huy	19113192	2001	3.90	3.60	3.10	1.60	1.10	2.70	
167	Nguyễn Đoàn Đức	Huy	21129682	02/05/2003	7.70	7.80	5.60	7.00	7.30	7.10	x
168	Nguyễn Quang	Huy	19126064	31/05/2000	5.60	7.80	6.60	7.80	2.30	6.00	
169	Nguyễn Quang Lê	Huy	22124075	17/08/2004	6.80	7.50	4.00	8.30	5.90	6.50	
170	Nguyễn Quốc	Huy	21153139	15/01/2003	8.10	9.30	7.30	7.30	10.00	8.40	x
171	Nguyễn Quốc	Huy	20115210	15/12/2002	4.50	8.10	3.00	1.80	6.90	4.90	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
172	Đỗ Hữu	Huy	21129680	05/11/2003	6.90	7.00	5.60	8.30	7.10	7.00	x
173	Phan Lê Ngọc	Huy	20118175	14/05/2002	6.90	7.00	6.80	8.00	6.90	7.10	x
174	Lê Mỹ	Huyền	20126262	21/07/2002	7.60	9.30	5.50	7.00	6.40	7.20	x
175	Nguyễn Vũ Thanh	Huyền	21120086	19/07/2003	6.60	9.10	8.10	7.50	7.00	7.70	x
176	Dương Thị	Huỳnh	21128055	27/11/2003	5.30	7.00	4.30	7.80	6.90	6.30	
177	Đinh Thị Cẩm	Huỳnh	21133093	06/06/2003	4.60	7.00	4.50	7.80	0.00	4.80	
178	H' Sam Niê	Kdăm	17125477	15/03/1998	3.10	0.00	4.10	0.00	5.00	2.40	
179	Dương Nhật	Kha	19112080	06/01/2001	4.70	0.00	1.00	0.00	5.00	2.10	
180	Nguyễn Hoàng	Khang	20118181	11/08/2002	6.80	8.50	6.80	8.30	7.40	7.60	x
181	Nguyễn Minh Phú	Khang	22118073	03/03/2004	6.90	7.50	5.00	7.00	7.10	6.70	x
182	NGUYỄN NHẬT	KHANG	23124089	14/11/2005	7.10	7.30	7.50	8.30	7.60	7.60	x
183	Trần Minh	Khang	22145025	01/03/2004	5.30	7.30	3.50	7.30	5.00	5.70	
184	TRƯƠNG DUY	KHANG	23138044	30/04/2005	7.30	6.10	6.10	8.50	6.00	6.80	x
185	Phạm Quang	Khải	21154195	05/12/2003	5.00	5.50	5.00	7.00	3.00	5.10	
186	Nguyễn Phương	Khánh	21116160	27/12/2003	3.60	6.10	0.00	2.30	5.00	3.40	
187	Trần Quốc	Khánh	21153143	02/03/2003	6.10	7.30	7.00	7.50	6.60	6.90	x
188	Bùi Vạn	Khoa	19120087	10/10/2001	4.40	6.00	4.50	5.50	1.00	4.30	
189	Hồ Đăng	Khoa	22124090	31/08/2004	5.50	6.60	6.40	9.00	3.60	6.20	
190	Nguyễn Anh Hoàng	Khoa	20138095	17/06/2002	5.90	5.00	7.00	8.50	7.40	6.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
191	Nguyễn Em Hoàng	Khoa	20153092	17/06/2002	6.30	5.00	5.00	7.00	7.00	6.10	x
192	Nguyễn Đăng	Khoa	22145027	19/09/2004	7.10	8.30	6.60	7.30	8.80	7.60	x
193	Đoàn Anh	Khoa	22118078	11/10/2004	7.10	6.50	7.50	7.80	5.90	7.00	x
194	Trần Lê Đăng	Khoa	22137042	27/04/2004	7.20	5.60	7.50	7.50	7.10	7.00	x
195	Huỳnh Văn	Khôi	21111267	18/01/2003	5.50	7.80	7.00	7.80	5.00	6.60	x
196	Vũ Anh	Khôi	22118082	17/08/2004	6.80	5.00	5.50	7.90	8.60	6.80	x
197	Phạm Đăng	Khương	21124384	28/11/2003	6.60	6.00	6.00	6.00	5.50	6.00	x
198	ÂU NGUYỄN BẢO	KHUYÊN	23124101	21/03/2005	6.40	3.10	3.40	8.00	6.00	5.40	
199	Bùi Minh	Kiên	21122580	01/06/2003	5.00	5.60	3.90	8.00	5.00	5.50	
200	Nguyễn Anh	Kiên	21120407	17/01/2003	5.40	5.50	4.50	7.80	3.50	5.30	
201	Nguyễn Trung	Kiên	20153093	10/05/2002	4.50	4.90	1.10	2.10	0.00	2.50	
202	Quách Đăng	Kiên	21153146	27/04/2003	6.80	8.10	5.40	8.00	8.90	7.40	x
203	Ngô Tuấn	Kiệt	19126079	06/03/2001	8.20	7.00	5.50	7.90	5.90	6.90	x
204	Nguyễn Anh	Kiệt	20153094	10/03/2002	6.80	7.50	5.60	6.10	5.00	6.20	x
205	Nguyễn Phước	Kiệt	22116044	07/08/2004	5.60	3.00	3.50	7.80	3.00	4.60	
206	Trần Tuấn	Kiệt	20118187	20/09/2002	5.60	7.30	7.00	8.30	8.30	7.30	x
207	Lê Nguyễn Thiên	Kim	21149181	19/03/2003	5.90	5.40	4.10	1.30	6.50	4.60	
208	Nguyễn Phan Trọng	Kỳ	20116210	05/05/2002	3.00	0.00	2.00	5.60	1.30	2.40	
209	Nguyễn Vĩnh	Kỳ	21122585	31/03/2003	5.50	7.30	6.90	7.80	7.00	6.90	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
210	Nguyễn Hoàng	Lâm	20145127	05/01/2002	5.60	9.00	5.50	8.00	6.80	7.00	x
211	Nguyễn Văn	Lâm	21154209	15/05/2003	7.90	8.00	7.80	7.80	8.60	8.00	x
212	Trần Quốc	Lâm	20138101	19/10/2002	5.50	0.00	4.90	1.10	5.90	3.50	
213	Trần Đình	Lập	20122353	07/04/2002	6.00	9.10	6.90	9.10	8.60	7.90	x
214	Kha Tấn	Lai	22112150	03/10/2004	6.40	8.50	7.00	9.00	7.00	7.60	x
215	HÀ TUYẾT VÂN	LAM	23122114	02/02/2005	7.60	7.00	5.40	8.30	8.60	7.40	x
216	Trần Phạm Trúc	Lam	22129127	31/03/2004	8.40	6.60	3.90	8.80	5.90	6.70	
217	Trương Hoàng	Lam	21129711	26/07/2003	6.20	5.00	7.00	7.80	3.60	5.90	
218	Lê Thị Thanh	Lan	22123056	26/01/2004	7.30	8.50	5.00	8.30	7.60	7.30	x
219	Đặng Ngọc	Lan	21113211	28/04/2003	4.30	5.40	4.10	7.80	8.10	5.90	
220	Nguyễn Trần Khánh	Lan	20126281	05/06/2002	7.10	8.30	6.90	7.50	8.30	7.60	x
221	Võ Ngọc Hoàng	Lan	20126282	16/08/2002	6.90	8.00	6.60	8.10	5.00	6.90	x
222	Võ Thị	Lành	17124082	21/12/1999	5.40	8.00	5.80	7.00	5.00	6.20	x
223	Nguyễn Thị	Lệ	19117037	29/08/2001	5.60	7.30	5.90	2.00	6.10	5.40	
224	Nguyễn Thị	Liên	21149184	24/03/2002	6.90	5.30	5.50	8.10	7.60	6.70	x
225	Nguyễn Thu	Liệu	21129718	22/03/2003	6.00	7.30	7.00	7.80	3.50	6.30	
226	Trần Thị Mỹ	Lin	15125101	24/10/1996	6.10	3.90	5.60	8.00	7.60	6.20	
227	CÙ VĂN	LINH	23129203	28/05/2005	7.80	9.00	7.80	6.50	7.60	7.70	x
228	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	15124141	27/02/1997	6.80	7.50	4.30	7.00	5.00	6.10	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
229	Lê Thị Trúc	Linh	21126390	02/11/2003	5.50	6.50	2.80	6.00	6.10	5.40	
230	Lưu Thị Mỹ	Linh	22122167	16/12/2004	6.80	7.00	5.60	7.50	7.10	6.80	x
231	Lưu Thị Mỹ	Linh	20125479	15/02/2002	7.10	6.10	5.00	7.00	3.10	5.70	
232	Lưu Tuyết	Linh	21112497	09/12/2003	6.10	7.00	3.10	8.50	7.10	6.40	
233	Mai Thị Diệu	Linh	22111057	11/07/2004	4.90	4.50	4.50	8.00	5.50	5.50	
234	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20124363	11/08/2002	6.70	5.00	6.50	8.10	5.00	6.30	x
235	Phạm Đình Trúc	Linh	22123066	30/05/2004	8.40	8.50	7.50	9.30	7.60	8.30	x
236	Phan Công Vũ	Linh	19112259	01/03/2001	5.60	5.40	3.90	7.80	6.90	5.90	
237	Trần Ngọc	Linh	20154160	27/12/2002	4.00	3.30	5.80	7.80	2.30	4.60	
238	Trần Thùy	Linh	21135297	04/05/2003	5.90	8.80	6.30	8.40	6.10	7.10	x
239	Lê Tấn	Lộc	21129736	31/03/2003	6.00	9.00	5.50	9.50	5.00	7.00	x
240	Trần Phúc	Lộc	22137047	19/10/2004	5.40	6.10	3.10	6.60	5.40	5.30	
241	Lê Thị Ngọc	Loan	21126394	18/02/2003	7.80	8.80	8.00	7.50	8.80	8.20	x
242	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	21122601	02/07/2003	7.30	7.80	7.50	8.00	2.30	6.60	
243	Phạm Thị	Loan	19155046	13/12/2001	5.10	5.00	5.00	5.00	5.60	5.10	x
244	Trần Thị Thanh	Lịch	20126283	07/08/2002	4.30	6.00	7.00	7.30	6.60	6.20	
245	Nguyễn Lê	Lợi	21126399	28/12/2001	5.40	6.00	7.30	7.80	5.80	6.50	x
246	Huỳnh Hải	Long	18126086	02/04/2000	5.20	7.00	2.50	10.00	6.90	6.30	
247	Lê Thanh	Long	21117082	28/02/2002	5.90	9.30	3.50	7.50	7.60	6.80	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
248	Đặng Hoàng	Long	18138051	15/02/2000	5.90	5.50	6.80	8.00	3.50	5.90	
249	Võ Thành	Long	21149187	01/06/2003	6.40	7.80	5.00	7.00	7.00	6.60	x
250	Lê Quang	Lĩnh	20126293	30/03/2002	5.40	5.00	8.00	7.80	5.60	6.40	x
251	Nguyễn Quốc	Lương	20122373	06/10/2002	7.20	7.50	5.60	8.00	5.60	6.80	x
252	Châu Việt	Luân	21135302	26/08/2003	4.90	4.90	2.80	8.10	5.00	5.10	
253	Nguyễn Minh	Luân	21139330	29/11/2003	7.40	9.10	6.80	7.50	9.10	8.00	x
254	Nguyễn Quý	Luân	21118300	01/12/2003	6.80	5.50	5.30	8.00	3.50	5.80	
255	Trần Thanh	Luân	20116217	16/03/2002	6.80	7.00	6.00	8.80	6.00	6.90	x
256	Trần Sĩ	Luyện	22118096	07/12/2004	7.30	9.30	10.00	8.80	8.60	8.80	x
257	Lê Thị Kiều	Ly	22123072	23/07/2004	5.60	6.60	7.30	8.00	8.30	7.20	x
258	Lê Thị Ly	Ly	22126094	20/02/2004	6.40	5.60	3.90	7.90	5.50	5.90	
259	Nguyễn Hà Nhật	Ly	21120423	04/01/2003	7.40	8.80	7.00	7.50	6.90	7.50	x
260	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	20125508	08/04/2002	3.70	3.90	3.10	0.00	8.10	3.80	
261	VÕ PHẠM HUY	LY	23120094	01/05/2005	5.60	5.50	5.50	8.10	5.00	5.90	x
262	Hồ Thị	Lý	20125509	16/10/2002	5.40	6.10	2.60	7.30	7.10	5.70	
263	Nguyễn Minh	Mẫn	21145168	27/09/2003	6.40	6.60	5.60	7.80	7.10	6.70	x
264	Trần Minh	Mẫn	21155114	12/10/2003	4.50	3.90	4.60	7.90	0.80	4.30	
265	Huỳnh Nguyễn Xuân	Mai	22120093	27/07/2004	7.40	9.10	8.00	8.00	7.90	8.10	x
266	Đinh Thị Xuân	Mai	21120126	05/01/2003	6.30	6.00	7.30	7.80	5.00	6.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
267	Trần Võ Trúc	Mai	21139335	08/04/2003	5.70	8.30	6.10	8.80	7.80	7.30	x
268	Phan Đức	Mạnh	21153150	25/07/2003	4.90	5.00	4.30	5.50	5.50	5.00	
269	Trần Đức	Mạnh	21153151	21/04/2003	7.90	8.00	6.30	8.10	7.00	7.50	x
270	Phạm Đỗ Bảo	Mi	22120095	10/12/2004	8.40	8.50	6.60	8.50	6.10	7.60	x
271	Lâm Tuấn	Minh	22116053	09/03/2004	6.10	7.00	6.90	7.80	3.10	6.20	
272	Phạm Ngô Nhật	Minh	21154234	24/08/2003	6.30	7.80	7.00	6.50	5.90	6.70	x
273	Phạm Ngọc	Minh	21154235	02/11/2003	4.80	6.50	4.80	6.00	4.00	5.20	
274	Phạm Văn	Minh	21118311	15/06/2003	5.00	7.00	6.10	7.50	3.10	5.70	
275	Phan Ngọc	Minh	21113230	26/12/2003	3.50	0.00	5.90	0.00	0.00	1.90	
276	Bùi Hòa	My	17126077	22/12/1999	5.40	7.00	5.80	7.80	3.00	5.80	
277	Huỳnh Ánh	My	22157036	16/04/2004	5.60	8.10	6.50	7.90	5.50	6.70	x
278	Lê Thị Trà	My	20125528	18/03/2002	5.10	7.00	4.30	10.00	3.00	5.90	
279	Đặng Phan Trà	My	21129760	15/08/2003	6.20	8.50	8.50	8.40	9.10	8.10	x
280	Ngô Thị Hồng	My	21129762	12/09/2003	6.90	6.10	8.00	8.10	6.30	7.10	x
281	Nguyễn Thị Diễm	My	21129763	05/06/2003	7.60	9.00	5.00	8.00	5.90	7.10	x
282	Nguyễn Thị Trà	My	18112117	22/06/2000	6.50	8.00	6.10	8.00	3.40	6.40	
283	Nguyễn Thị Trà	My	20120216	26/02/2002	5.60	3.10	4.60	0.00	1.80	3.00	
284	Võ Thị Huyền	My	20120219	23/11/2002	5.60	6.00	5.00	5.50	5.60	5.50	x
285	Đỗ Thị Thúy	Mỹ	21129768	19/10/2003	5.50	5.00	4.30	7.00	6.00	5.60	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
286	Trương Thị Nhu Mỹ	22123080	16/03/2004	6.20	5.00	5.00	6.10	5.00	5.50	x
287	Huỳnh Hải Đăng	21129580	19/01/2003	6.40	6.50	4.00	8.50	6.50	6.40	
288	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	23112035	03/10/2005	5.80	6.50	3.50	7.30	2.00	5.00	
289	Nguyễn Minh Đăng	21139247	27/05/2003	3.90	6.10	3.60	5.60	6.60	5.20	
290	NGUYỄN MINH ĐĂNG	24113021	10/06/2006	5.00	7.50	7.00	7.90	8.60	7.20	x
291	Trần Khải Đăng	21153113	18/07/2003	7.80	6.60	6.60	8.80	7.80	7.50	x
292	Lâm Quốc Đạt	20145098	25/10/2002	6.10	6.60	5.00	8.00	6.10	6.40	x
293	LÊ MINH ĐẠT	24145020	22/06/2006	7.10	8.30	5.30	8.50	5.50	6.90	x
294	Nguyễn Quốc Đạt	21122501	30/04/2003	5.50	7.00	5.00	7.30	2.60	5.50	
295	Nguyễn Thành Đạt	21122502	25/05/2003	6.20	2.30	3.00	7.50	1.80	4.20	
296	Nguyễn Thành Đạt	21113162	07/04/2003	3.50	6.50	2.00	5.50	7.00	4.90	
297	Nguyễn Tuấn Đạt	20152013	12/10/2002	3.60	6.10	3.90	5.60	7.10	5.30	
298	Hứa Văn Nam	19111078	17/02/2001	6.10	9.50	7.30	6.60	8.10	7.50	x
299	Nguyễn Minh Đại Nam	19126105	10/11/2001	7.10	7.50	6.50	7.90	5.00	6.80	x
300	Nguyễn Quốc Nam	22124124	25/12/2004	4.60	3.60	6.40	7.80	5.00	5.50	
301	Tổng Nhựt Nam	22116059	08/11/2004	7.00	9.00	5.50	8.50	6.50	7.30	x
302	TRẦN ĐỨC NAM	23124124	07/09/2005	8.30	9.10	6.10	8.10	7.80	7.90	x
303	Trần Phương Nam	21118316	05/10/2003	6.30	6.80	3.50	7.80	3.00	5.50	
304	Võ Thị Phương Nam	20139260	12/11/2002	4.70	4.80	3.10	5.00	2.00	3.90	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
305	Trần Thị Hồng Đào	21145123	21/03/2002	6.40	7.50	6.90	2.40	8.10	6.30	
306	Vũ Thị Cẩm Đào	20128161	11/11/2002	6.60	6.10	5.00	7.50	6.30	6.30	x
307	Đặng Thị Nga	21122633	11/04/2003	6.10	8.00	6.10	7.50	5.00	6.50	x
308	Trần Thị Thúy Nga	21129775	01/10/2003	3.80	6.60	2.90	0.60	6.80	4.10	
309	Huỳnh Ngọc Thúy Ngân	21125221	10/12/2003	5.90	7.30	4.00	8.00	5.00	6.00	
310	Lê Thị Thanh Ngân	20112055	24/09/2002	5.80	8.10	7.50	8.00	6.90	7.30	x
311	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	20112056	04/11/2002	6.90	8.00	7.30	9.10	7.00	7.70	x
312	Nguyễn Ngọc Tú Ngân	19126109	09/05/2001	4.40	6.90	6.40	7.80	5.60	6.20	
313	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	23117020	06/06/2005	7.10	8.80	6.10	8.50	5.80	7.30	x
314	Nguyễn Thị Thúy Ngân	19112120	17/06/2001	6.10	7.00	6.60	7.80	9.40	7.40	x
315	Đỗ Thị Kim Ngân	20122645	20/12/2001	6.80	6.80	6.00	8.80	2.00	6.10	
316	Đoàn Thái Ngân	22123082	11/01/2004	8.10	9.50	7.30	8.50	7.30	8.10	x
317	Phùng Thị Tuyết Ngân	22123085	07/01/2004	7.90	6.90	7.00	8.30	5.00	7.00	x
318	Trần Nguyễn Kim Ngân	22129168	20/10/2004	7.40	9.00	6.50	8.00	8.80	7.90	x
319	Trần Thị Kim Ngân	19122151	20/01/2001	5.10	5.00	5.00	7.40	5.50	5.60	x
320	Võ Thị Sông Ngân	20126314	21/04/2002	4.40	5.00	7.80	7.80	5.50	6.10	
321	Hoàng Văn Nghị	21155122	02/10/2003	7.30	7.50	6.50	9.00	5.50	7.20	x
322	Huỳnh Trọng Nghĩa	20124112	30/06/2002	4.50	4.50	5.30	1.80	0.00	3.20	
323	Phạm Trọng Nghĩa	21153158	30/08/2003	7.40	8.00	5.00	7.00	9.10	7.30	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
324	Lê Mỹ	Ngọc	20116165	16/10/2002	3.70	0.00	0.00	0.00	2.60	1.30	
325	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	22120109	31/03/2004	5.90	6.10	7.00	8.50	5.00	6.50	x
326	Trương Thị Yến	Ngọc	19149054	28/01/2001	5.00	2.10	4.10	6.10	7.90	5.00	
327	Trương Yến	Ngọc	21124432	03/11/2003	7.10	6.60	5.60	7.50	5.60	6.50	x
328	VÕ HOÀNG THANH	NGỌC	23112155	13/11/2005	8.40	7.00	5.00	6.60	5.60	6.50	x
329	Nguyễn Thành	Ngữ	18113102	26/02/2000	5.40	6.00	5.50	6.00	6.00	5.80	x
330	Lê Huỳnh	Nguyên	21145174	09/09/2003	5.90	8.00	2.00	8.50	5.00	5.90	
331	Ngô Đức	Nguyên	21138150	22/06/2002	4.90	2.30	0.80	0.00	5.00	2.60	
332	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	20111065	14/12/2002	5.60	5.50	5.50	7.80	5.40	6.00	x
333	Nguyễn Phúc	Nguyên	18138059	24/04/2000	6.80	8.30	8.00	7.80	5.60	7.30	x
334	Nguyễn Thảo	Nguyên	21154247	25/05/2003	6.40	8.00	6.40	8.00	8.10	7.40	x
335	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	21129812	18/07/2003	5.00	7.00	6.10	5.00	3.10	5.20	
336	Nguyễn Văn	Nguyên	21155127	13/08/2003	6.00	8.80	8.30	2.60	5.60	6.30	
337	Nguyễn Y	Nguyên	20125570	30/06/2002	5.50	4.50	5.80	8.80	2.00	5.30	
338	Phan Thị Phương	Nguyên	20124414	05/08/2002	6.10	6.60	5.00	7.80	6.30	6.40	x
339	Quách Viết	Nguyên	21137111	04/04/2003	6.10	6.30	6.50	7.80	6.10	6.60	x
340	Trần Ngọc Thu	Nguyệt	21120451	27/08/2003	7.00	6.80	6.50	8.30	1.80	6.10	
341	NGUYỄN LÊ	NHÂN	23153039	28/12/2005	6.40	7.80	5.60	7.30	6.90	6.80	x
342	Nguyễn Văn	Nhân	20126323	05/11/2002	3.80	5.00	5.50	7.30	1.30	4.60	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
343	Phạm Nguyễn Trọng	Nhân	21122652	07/11/2003	6.90	8.30	6.60	8.30	8.50	7.70	x
344	Trần Thanh	Nhân	21153166	01/12/2003	7.90	7.80	6.80	7.30	10.00	8.00	x
345	Võ Trung	Nhân	18112289	21/02/2000	6.30	7.80	5.40	8.00	2.60	6.00	
346	Phan Văn	Nhất	20118215	07/11/2002	5.90	8.30	7.00	8.30	7.00	7.30	x
347	Nguyễn Trần	Nhật	20122426	19/12/2002	4.40	1.10	5.60	7.80	2.40	4.30	
348	Phạm Minh	Nhật	21113245	05/12/2003	7.10	8.00	6.10	9.50	7.50	7.60	x
349	Hoàng Thị Ái	Nhi	21128248	07/06/2003	6.50	7.30	6.60	7.00	8.10	7.10	x
350	Huỳnh Thị Y	Nhi	20112309	20/07/2002	7.60	7.50	5.50	8.00	5.00	6.70	x
351	Mai Thị Yến	Nhi	22129204	13/04/2004	7.40	8.50	5.00	8.00	5.50	6.90	x
352	Ngô Nguyễn Ai	Nhi	15131092	03/10/1997	4.40	6.10	4.40	6.10	2.30	4.70	
353	NGUYỄN HỒ TUỆ	NHI	23112170	16/06/2005	7.10	8.30	7.00	8.30	6.10	7.40	x
354	Nguyễn Hồ Y	Nhi	19126120	26/08/2001	6.80	7.00	4.10	8.00	2.60	5.70	
355	Nguyễn Lâm Thanh	Nhi	21126438	30/01/2003	5.60	7.50	6.30	7.90	5.00	6.50	x
356	Nguyễn Ngọc	Nhi	21122656	13/03/2003	4.40	0.00	0.00	0.00	0.00	0.90	
357	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20116301	12/03/2002	6.30	6.80	5.80	7.50	3.50	6.00	
358	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20139283	10/01/2002	6.10	5.60	5.60	8.10	5.50	6.20	x
359	Đinh Thị Yến	Nhi	21125256	09/09/2003	6.10	5.80	5.00	6.50	8.40	6.40	x
360	Phan Uyển	Nhi	21122228	25/07/2003	5.50	7.50	7.00	6.10	7.50	6.70	x
361	Quách Y	Nhi	21149217	15/06/2003	6.30	6.50	5.50	7.80	8.30	6.90	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
362	TRẦN NGỌC YẾN	NHI	23129316	05/05/2005	7.60	7.00	5.00	7.60	5.80	6.60	x
363	Bùi Ngọc Quỳnh	Như	21125265	19/11/2003	5.60	8.00	5.90	6.10	2.10	5.50	
364	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	21111312	26/06/2003	4.80	9.10	3.50	6.50	5.00	5.80	
365	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	22120132	10/01/2004	5.40	5.00	5.30	7.00	5.00	5.50	x
366	NGUYỄN THỊ THU	NHƯ	23112180	02/03/2005	7.90	7.00	2.80	2.80	9.10	5.90	
367	Nông Thị Quỳnh	Như	20122439	18/04/2002	5.00	7.30	2.80	7.00	8.10	6.00	
368	Cao Minh	Nhật	22115050	03/11/2004	6.40	5.60	5.00	7.50	6.90	6.30	x
369	Nguyễn Minh	Nhật	21153170	27/09/2003	7.70	9.10	7.50	8.60	6.90	8.00	x
370	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	21133113	03/10/2003	4.90	8.60	5.50	5.00	0.00	4.80	
371	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21112581	06/10/2003	3.60	5.50	2.30	0.00	0.00	2.30	
372	Nguyễn Thị Thương	Nhung	21149060	25/02/2003	6.60	8.50	5.60	8.50	7.10	7.30	x
373	Đỗ Thị Cẩm	Nhung	21126455	17/05/2003	7.40	7.00	5.00	7.50	5.00	6.40	x
374	Ngô Thị Thành	Điểm	19117013	10/01/2001	3.50	5.00	2.10	2.10	6.90	3.90	
375	Nguyễn Văn	Ninh	20125610	11/02/2002	5.90	8.40	5.00	7.80	3.60	6.10	
376	Ngô Nhật	Đông	20116021	19/10/2002	8.40	7.30	8.30	8.80	8.10	8.20	x
377	Nguyễn Văn	Đức	20120173	21/01/2002	4.60	5.00	6.10	7.80	2.10	5.10	
378	Nguyễn Thị Xuân	Oanh	22124157	01/08/2004	3.20	5.60	3.10	4.10	1.10	3.40	
379	Trần Thị Ngọc	Phấn	22124159	30/06/2004	5.90	9.00	5.60	7.50	8.90	7.40	x
380	Huỳnh Tấn	Phát	21154257	18/12/2003	4.70	6.60	4.80	5.00	1.30	4.50	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
381	Nguyễn Đại	Phát	20111261	23/07/2002	6.30	6.40	7.30	7.00	6.00	6.60	x
382	Nguyễn Tấn	Phát	20116236	29/06/2002	7.10	5.90	6.60	7.80	8.80	7.20	x
383	Trần Hưng	Phát	21145184	22/02/2003	6.60	5.00	5.50	8.10	7.80	6.60	x
384	Nguyễn Minh	Phi	20111262	20/10/2002	6.60	6.00	6.50	7.80	6.90	6.80	x
385	Trần Văn	Phi	22116072	19/08/2004	6.10	7.00	5.50	7.00	5.00	6.10	x
386	Triệu Trường	Phi	20124441	19/04/2002	4.80	2.00	2.80	7.30	5.00	4.40	
387	Nguyễn Hoàng	Pho	21138158	26/04/2003	6.90	7.50	5.60	8.00	8.30	7.30	x
388	Bùi Thanh	Phong	21165035	23/06/2003	7.10	7.00	7.50	7.80	5.50	7.00	x
389	Mã Thanh	Phong	22118126	24/01/2004	5.80	5.00	5.50	7.30	0.00	4.70	
390	Nguyễn Hải	Phong	21138159	01/04/2003	7.40	8.00	3.50	6.50	6.00	6.30	
391	Nguyễn Hoài	Phong	21125288	15/05/2003	4.70	6.00	4.00	6.00	3.50	4.80	
392	Nguyễn Thanh	Phong	20124442	20/02/2002	5.60	5.80	5.00	8.10	5.00	5.90	x
393	Cao Thị Kim	Phượng	22120144	20/03/2004	6.80	5.00	6.90	7.80	5.60	6.40	x
394	Lê Thị Hồng	Phượng	21128255	12/06/2003	6.50	5.00	4.40	8.50	5.90	6.10	
395	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	23122215	02/09/2005	5.80	7.00	5.50	7.80	2.00	5.60	
396	Bùi Thị	Phượng	20125627	14/02/2002	5.00	5.60	2.90	5.00	8.00	5.30	
397	Huỳnh Hoàng	Phượng	22126145	08/10/2003	8.30	9.10	10.00	7.00	8.80	8.60	x
398	Huỳnh Thị Anh	Phượng	21112191	18/11/2003	6.40	8.30	8.00	8.50	6.80	7.60	x
399	LÊ ANH	PHƯỢNG	23129363	24/02/2005	7.10	7.90	5.50	8.50	7.10	7.20	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
400	Lê Thị Thu	Phường	19111093	18/05/2001	5.90	6.80	6.80	6.00	5.00	6.10	x
401	Nguyễn Ai Khánh	Phường	21128116	01/04/2003	6.80	7.50	5.60	8.30	5.00	6.60	x
402	Nguyễn Hoàng Mai	Phường	21139408	29/07/2003	6.70	8.80	8.30	7.80	7.40	7.80	x
403	Nguyễn Minh Thế	Phường	16112668	28/07/1997	5.30	5.50	3.00	5.00	6.40	5.00	
404	Nguyễn Thị Trúc	Phường	22112260	17/01/2004	6.60	5.50	5.00	8.50	6.00	6.30	x
405	Đinh Hoàng Thanh	Phường	21120482	23/06/2003	6.60	8.60	5.60	7.50	8.30	7.30	x
406	Đinh Thị Uyên	Phường	21139407	07/05/2003	5.80	6.00	5.00	8.00	8.60	6.70	x
407	Trần Nguyên Anh	Phường	19153062	25/10/2001	4.50	0.00	0.40	0.00	0.00	1.00	
408	Trần Thị Kim	Phường	22124173	09/04/2004	6.90	7.80	7.00	7.30	5.90	7.00	x
409	TRẦN THỊ THANH	PHƯỜNG	23122213	09/12/2005	6.90	8.60	5.80	8.10	5.90	7.10	x
410	Vòng Quận	Phường	20112332	03/06/2002	6.20	7.00	5.60	8.00	3.60	6.10	
411	Đoàn Thiên	Phước	20138111	25/04/2002	4.90	0.00	6.90	7.50	7.30	5.30	
412	Phạm Dương Tâm	Phước	21153176	24/03/2003	7.60	9.50	5.00	6.00	7.30	7.10	x
413	Lâm Tạ Tiểu	Phụng	19112412	08/09/2001	3.30	0.00	4.50	7.50	1.30	3.30	
414	Nguyễn Sĩ	Phú	20122617	22/05/2002	3.10	5.00	3.30	7.80	3.50	4.50	
415	Nguyễn Thị	Phú	21157093	17/02/2003	5.80	5.50	5.00	8.80	6.00	6.20	x
416	Nguyễn Xuân	Phú	19112351	02/01/2001	5.00	0.00	4.00	5.00	5.40	3.90	
417	PHẠM LÊ	PHÚ	23115073	03/07/2005	6.70	6.00	2.30	6.50	5.50	5.40	
418	Trần Ngọc Long	Phú	20111264	09/02/2002	6.20	7.00	6.80	7.80	7.00	7.00	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
419	Huỳnh Thanh	Phúc	22149056	02/05/2004	6.60	6.00	5.00	7.80	7.40	6.60	x
420	Lê Hoàng	Phúc	21126162	16/04/2003	7.90	7.00	7.00	8.00	7.10	7.40	x
421	Đặng Hoàng	Phúc	21116060	14/11/2003	6.80	9.00	8.80	6.60	6.50	7.50	x
422	Nguyễn Hữu Tấn	Phúc	21125295	26/11/2002	6.40	7.00	7.00	8.30	6.00	6.90	x
423	Nguyễn Thành	Phúc	21129863	23/11/2003	6.90	8.80	5.50	8.80	6.60	7.30	x
424	NGUYỄN THỊ MỸ	PHÚC	23120138	25/09/2005	7.90	3.50	4.00	7.80	6.10	5.90	
425	Nguyễn Trọng	Phúc	22137065	04/04/2004	6.70	5.00	6.10	6.10	2.10	5.20	
426	Trần Thị	Phúc	20116166	14/09/2002	4.30	5.60	3.90	8.60	1.30	4.70	
427	Trịnh Lê Hoàng	Phúc	22149059	22/01/2004	5.30	5.00	5.60	7.80	5.00	5.70	x
428	Lê Hữu Đông	Quân	20138115	08/04/2002	6.90	6.60	6.60	5.00	5.60	6.10	x
429	Nguyễn Quốc Minh	Quân	21120213	16/02/2003	6.60	8.00	5.00	8.00	5.50	6.60	x
430	Phạm Minh	Quân	19123116	17/10/2001	4.10	0.00	1.30	0.00	0.00	1.10	
431	Trần Văn	Quân	20128248	10/10/2002	4.40	0.00	1.30	0.00	0.00	1.10	
432	Lê Vinh	Quang	19118189	19/03/2001	4.30	6.50	4.30	7.80	5.00	5.60	
433	Võ Minh	Quang	21113070	07/05/2003	5.40	3.50	2.00	7.80	5.00	4.70	
434	Nguyễn Anh	Quý	21122679	16/01/2003	6.60	8.30	8.00	8.50	8.00	7.90	x
435	Nguyễn Văn	Quý	19154127	20/04/2001	5.90	7.30	5.80	8.00	6.00	6.60	x
436	TRẦN NGUYỄN ANH	QUỐC	23129375	11/06/2005	8.10	7.30	7.00	7.50	7.00	7.40	x
437	Nguyễn Quốc	Quyền	20112342	18/12/2002	5.90	7.50	6.10	7.80	7.60	7.00	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
438	Kiều Thị Bảo	Quyên	20155136	26/06/2002	4.50	5.80	5.50	7.80	5.60	5.80	
439	Đặng Kim	Quyên	21135342	12/08/2003	7.40	8.60	8.60	8.10	9.10	8.40	x
440	NGÔ THỊ THÚY	QUYÊN	24123135	12/01/2006	7.00	6.10	6.40	8.10	7.30	7.00	x
441	NGUYỄN PHƯƠNG	QUYÊN	23157056	13/12/2005	4.50	7.00	3.00	6.50	3.00	4.80	
442	NGUYỄN THỊ LAN	QUYÊN	23124187	22/07/2005	5.10	5.40	3.60	8.30	1.90	4.90	
443	Nguyễn Thị Yến	Quyên	19137055	12/04/2001	5.40	6.30	3.10	7.00	0.00	4.40	
444	HOÀNG THỊ DIỄM	QUỲNH	23112221	03/10/2005	7.80	9.30	8.30	7.30	8.60	8.30	x
445	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	22124179	25/08/2004	5.40	5.30	6.00	8.10	6.30	6.20	x
446	Lê Trần Phương	Quỳnh	20111277	04/11/2002	6.40	6.80	5.00	8.50	6.80	6.70	x
447	Ngô Thị Mai	Quỳnh	21116203	14/10/2003	5.60	6.90	5.60	8.50	7.00	6.70	x
448	Nguyễn Như	Quỳnh	21120495	09/04/2003	4.60	7.00	1.80	4.60	5.50	4.70	
449	Nguyễn Thị	Quỳnh	21120496	10/01/2003	4.80	6.80	6.80	7.80	3.00	5.80	
450	Nguyễn Trúc	Quỳnh	22149067	20/11/2004	6.20	6.00	5.00	8.80	7.30	6.70	x
451	Trương Thị Tuyết	Quỳnh	21125325	09/11/2003	6.30	7.30	5.50	7.00	6.50	6.50	x
452	Hồ Văn Minh	Quý	21118355	18/08/2003	6.20	8.00	6.10	9.10	3.10	6.50	
453	Hứa Quốc	Sang	20111279	24/01/2002	6.30	9.50	8.50	9.00	5.00	7.70	x
454	HUỲNH VĂN	SANG	24111124	27/06/2006	3.60	2.40	3.60	2.60	2.10	2.90	
455	Trần Cao	Sang	22137070	27/08/2004	5.10	8.00	6.40	7.80	5.00	6.50	x
456	Trần Nhật	Sang	22138080	17/01/2004	6.30	7.00	7.00	9.00	5.60	7.00	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
457	Trần Văn	Sang	20116302	17/08/2002	3.80	0.00	0.30	0.00	0.00	0.80	
458	Trương Công	Sinh	17118090	16/09/1999	4.90	0.00	0.00	0.00	0.00	1.00	
459	Phạm Thị Ngọc	Sơn	21122691	02/10/2003	5.30	7.00	5.50	7.80	7.00	6.50	x
460	Trần Thanh	Sơn	21145198	13/08/2003	6.40	7.50	7.50	7.50	6.10	7.00	x
461	Trần Tuấn	Sơn	21154291	08/05/2003	6.00	6.10	5.00	8.80	5.00	6.20	x
462	Phan Thị Thu	Sương	22123121	11/08/2004	3.30	0.00	0.50	1.00	5.40	2.00	
463	Huỳnh Công	Tâm	20126348	13/05/2002	6.40	8.30	5.50	8.30	6.00	6.90	x
464	Nguyễn Minh	Tâm	21116209	27/03/2003	4.80	5.40	3.40	7.50	6.10	5.40	
465	Phan Anh	Tâm	21111340	19/07/2003	6.90	8.00	7.50	7.50	10.00	8.00	x
466	Trần Hoàng Minh	Tâm	20111283	15/09/2002	6.40	7.30	5.50	6.50	5.00	6.10	x
467	Trần Nguyễn Phúc	Tâm	21153184	31/03/2003	5.30	8.00	5.00	8.30	7.60	6.80	x
468	Huỳnh Hữu	Tấn	22124188	16/06/2004	8.30	7.50	7.40	8.00	8.60	8.00	x
469	Huỳnh Văn	Tân	21124483	12/04/2003	3.30	0.00	0.00	0.00	5.50	1.80	
470	Nguyễn Hoàng	Tất	20116249	20/05/2002	6.10	5.00	5.60	8.50	6.90	6.40	x
471	Lê Thành	Tài	21113079	10/03/2003	7.10	5.40	6.40	6.40	5.80	6.20	x
472	Nguyễn Anh	Tài	20128259	30/09/2002	4.90	0.00	0.00	0.00	0.00	1.00	
473	Đỗ Đức	Tài	15162040	19/11/1997	5.70	8.50	5.60	7.80	5.00	6.50	x
474	Lê Thị Hồng	Thắm	17124152	21/10/1999	6.50	7.50	5.00	7.00	6.80	6.60	x
475	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	22128167	11/09/2004	6.40	7.00	4.10	8.30	5.00	6.20	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
476	Văn Hồng	Thắm	21125343	06/04/2003	4.60	0.00	0.00	0.00	0.00	0.90	
477	Đậu Thị Hoài	Thanh	21139427	21/05/2003	5.90	7.50	6.30	7.80	7.80	7.10	x
478	Quan Lệ	Thanh	20125681	09/09/2002	6.50	7.50	6.10	8.00	5.60	6.70	x
479	Chu Văn	Thao	20126357	11/12/2001	7.80	9.30	6.10	6.60	6.00	7.20	x
480	Huỳnh Kim	Thành	20112358	01/03/2002	5.60	7.80	3.00	7.80	6.90	6.20	
481	Mai Công	Thành	21126500	24/08/2003	5.00	7.80	3.10	7.80	10.00	6.70	
482	Nguyễn Ngọc	Thành	21118378	14/08/2003	5.90	8.00	5.50	7.80	5.50	6.50	x
483	Nguyễn Ngọc Trường	Thành	20115302	05/10/2002	5.00	5.00	4.00	2.50	5.00	4.30	
484	Thái Tự	Thành	20145159	17/01/2002	5.30	6.40	5.00	8.30	5.50	6.10	x
485	Trần Minh	Thành	20124478	12/10/2002	4.20	0.00	7.50	0.00	5.60	3.50	
486	Nguyễn Vũ Anh	Thái	21120513	17/07/2003	5.80	9.50	5.00	8.50	6.40	7.00	x
487	PHAN VĂN	THÁI	23152032	19/05/2005	7.90	6.30	4.00	7.90	6.10	6.40	
488	Tăng Ngọc	Thái	19117074	18/10/2001	4.00	7.00	4.30	8.30	5.60	5.80	
489	Hồ Thị	Thảo	20139320	30/06/2002	3.40	3.80	3.80	7.80	4.00	4.60	
490	Hoàng Thị Kim	Thảo	22123126	25/07/2004	4.90	5.00	7.80	8.10	8.30	6.80	
491	Huỳnh Thị Phương	Thảo	21128260	24/10/2003	4.60	8.60	4.90	0.00	5.60	4.70	
492	Huỳnh Thị Thu	Thảo	20116257	15/02/2002	5.20	5.00	3.30	7.80	5.60	5.40	
493	Lê Huỳnh Thu	Thảo	22112303	04/12/2004	6.30	5.00	4.50	8.50	3.00	5.50	
494	Lê Thị Phương	Thảo	21128261	08/10/2003	7.20	9.30	5.00	8.30	8.00	7.60	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
495	Lê Thị Thu	Thảo	21116219	02/09/2003	3.10	0.00	0.00	0.00	5.40	1.70	
496	Nguyễn Diệp	Thảo	21122708	02/10/2002	4.40	0.00	0.10	0.00	6.40	2.20	
497	Nguyễn Phương	Thảo	20128267	10/05/2002	4.90	0.00	0.00	0.00	0.00	1.00	
498	Nguyễn Thị	Thảo	21112637	05/11/2003	7.00	7.50	5.00	8.30	5.00	6.60	x
499	Nguyễn Thị Phương	Thảo	19112169	17/01/2001	4.80	0.00	1.80	7.80	5.90	4.10	
500	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22122347	24/09/2004	5.90	8.00	6.10	8.00	3.60	6.30	
501	Đỗ Xuân	Thảo	21126502	22/10/2003	7.70	6.90	5.40	7.90	7.80	7.10	x
502	Phạm Thanh	Thảo	22117032	09/12/2004	6.30	5.00	5.00	7.80	6.50	6.10	x
503	Phạm Thanh	Thảo	18126247	03/04/2000	7.20	8.00	5.60	8.50	8.00	7.50	x
504	Phạm Thị Thu	Thảo	20123200	28/10/2002	6.80	6.00	5.30	8.50	2.00	5.70	
505	Vũ Thị	Thảo	19123136	10/08/2001	5.30	6.10	5.00	6.60	2.30	5.10	
506	Châu Thị Bích	Thi	20126360	04/07/2002	4.20	0.00	0.40	0.00	0.00	0.90	
507	Lê Nguyễn Trường	Thi	18127072	18/04/2000	4.30	8.80	6.50	8.30	0.00	5.60	
508	Ngô Nhã	Thi	22149073	17/10/2004	6.30	8.00	5.00	8.50	8.10	7.20	x
509	Nguyễn Bá	Thi	18126157	24/05/2000	5.90	6.80	7.90	7.80	5.00	6.70	x
510	Nguyễn Nhã	Thi	21122307	02/11/2003	5.40	5.30	6.80	7.80	5.00	6.10	x
511	Phạm Ngọc Xuân	Thi	19112278	06/02/2001	7.10	7.30	5.40	8.30	5.00	6.60	x
512	Hà Thị Lệ	Thiện	20115266	20/12/2001	6.50	6.60	5.60	7.50	5.50	6.30	x
513	Trần Quốc	Thiện	20126365	10/11/2002	4.80	0.00	0.00	0.00	0.00	1.00	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
514	Hồ Ngọc Minh	Thư	22122365	25/10/2004	5.00	5.50	2.30	7.50	5.00	5.10	
515	LÊ DIỆP ANH	THƯ	23124216	16/03/2005	6.20	6.60	6.60	8.50	5.60	6.70	x
516	LÊ MINH	THƯ	23149091	14/03/2005	5.80	5.50	5.00	8.00	5.50	6.00	x
517	Lê Minh	Thư	20115136	25/08/2002	4.60	6.60	4.10	1.90	0.00	3.40	
518	NGUYỄN ANH	THƯ	23122259	26/10/2005	7.30	9.10	5.00	8.60	5.50	7.10	x
519	Nguyễn Hồ Anh	Thư	22115069	10/04/2004	5.30	8.00	5.50	8.30	6.90	6.80	x
520	Nguyễn Hồ Minh	Thư	21126520	02/07/2003	3.40	6.50	0.00	7.30	5.50	4.50	
521	Nguyễn Minh	Thư	22117035	01/09/2004	5.60	8.60	6.00	7.50	5.00	6.50	x
522	Nguyễn Đình Anh	Thư	20112365	28/02/2002	6.30	5.80	5.00	1.60	4.00	4.50	
523	Đỗ Minh	Thư	21149274	11/06/2003	5.80	6.00	5.50	7.80	7.30	6.50	x
524	Phạm Thị Anh	Thư	21129948	13/04/2002	7.30	9.30	10.00	8.30	7.60	8.50	x
525	Nguyễn Thị Kim	Thoa	22129275	24/05/2004	6.70	8.00	6.60	8.10	7.00	7.30	x
526	Nguyễn Thị Kim	Thoa	20120282	10/12/2002	6.40	5.00	7.00	7.80	3.10	5.90	
527	TRẦN THANH	THỐNG	23129422	21/07/2005	7.10	5.90	5.60	8.50	6.10	6.60	x
528	Nguyễn Minh	Thông	21154325	30/10/2003	5.00	0.00	4.60	7.50	5.00	4.40	
529	Đỗ Phước	Thọ	21122721	26/12/2003	8.30	8.60	9.10	8.60	7.60	8.40	x
530	Huỳnh Ngọc	Thịnh	18111122	26/06/2000	4.30	8.00	7.50	8.00	3.00	6.20	
531	Lê Vĩnh Quốc	Thịnh	18128165	10/06/2000	5.70	6.80	5.50	8.10	3.00	5.80	
532	Nguyễn Hưng	Thịnh	19153078	01/01/2001	5.90	8.00	5.60	8.50	7.30	7.10	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
533	Từ Thanh	Thịnh	21139441	23/01/2003	4.50	0.00	4.40	2.80	2.00	2.70	
534	Trần Duy	Thịnh	21153194	03/12/2003	7.40	7.50	6.60	8.50	8.30	7.70	x
535	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯỜNG	23124225	05/07/2005	6.50	7.50	4.10	8.10	5.00	6.20	
536	Phùng Thị Hoài	Thường	21122735	01/05/2003	6.10	5.00	5.30	8.30	5.00	5.90	x
537	TRẦN MINH	THƯỜNG	23113125	14/10/2005	5.80	7.00	5.50	8.50	6.00	6.60	x
538	Trần Văn	Thường	20116122	01/11/2002	7.80	8.10	6.60	7.50	8.00	7.60	x
539	Mai Cẩm	Thu	22122363	25/08/2004	6.00	8.50	5.00	7.80	5.00	6.50	x
540	Ngô Kế Minh	Thuận	19118232	10/10/2001	6.10	5.00	5.50	8.10	7.00	6.30	x
541	Nguyễn Nam	Thuận	19118233	30/10/2001	6.40	9.10	3.10	7.50	6.60	6.50	
542	Nguyễn Ngọc	Thuận	21118384	03/07/2003	5.80	5.90	5.00	8.50	3.60	5.80	
543	Phan Minh	Thuận	21125399	20/09/2003	7.40	7.00	6.60	8.00	9.10	7.60	x
544	Nguyễn Trang Minh	Thy	20122530	29/12/2002	3.40	6.10	4.40	0.00	6.10	4.00	
545	Trình Ngọc Anh	Thy	21113311	06/09/2003	5.00	6.00	3.50	8.10	8.10	6.10	
546	Võ Hồ Anh	Thy	20116303	21/08/2002	5.30	6.10	8.50	8.50	7.40	7.20	x
547	LÊ ĐÌNH	TIẾN	23122281	03/01/2005	6.80	8.50	5.00	6.60	8.10	7.00	x
548	Ngô Quốc	Tiến	20122638	16/07/2001	6.40	6.10	3.10	7.30	3.10	5.20	
549	Nguyễn Minh	Tiến	19112281	29/04/2001	5.60	6.00	5.00	7.90	6.50	6.20	x
550	Vũ Xuân	Tiến	21154331	17/06/2003	4.00	6.50	5.00	4.90	1.00	4.30	
551	Lê Cẩm	Tiên	21125415	05/08/2003	5.00	9.10	1.80	6.50	5.00	5.50	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
552	Lê Thị Bích	Tiên	19112381	22/12/2001	7.80	8.30	8.80	7.00	6.50	7.70	x
553	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	19116125	06/07/2001	6.20	7.00	5.50	8.50	8.80	7.20	x
554	Trần Lương Khánh	Tiên	21128268	21/11/2003	8.10	5.00	8.80	8.80	8.00	7.70	x
555	Bùi Hồng	Tín	21116228	01/06/2003	7.10	8.50	5.40	9.00	6.10	7.20	x
556	NGUYỄN HỮU	TÍN	23129466	06/05/2005	7.10	8.00	5.00	8.80	6.00	7.00	x
557	Lê Đức	Tính	21116229	01/10/2003	7.00	7.50	6.40	8.50	6.10	7.10	x
558	Huỳnh Phước	Toàn	20126384	06/11/2002	7.20	8.50	7.30	7.50	7.60	7.60	x
559	Nguyễn Mạnh	Toàn	20165011	05/07/2002	6.60	7.30	5.00	7.00	7.10	6.60	x
560	Đỗ Nguyễn Cát	Tường	20128304	19/01/2002	6.20	5.00	8.00	7.00	3.50	5.90	
561	Lê Thị	Trâm	21122763	25/05/2003	5.80	6.60	3.10	8.00	7.30	6.20	
562	Nguyễn Ngọc	Trâm	17116162	11/04/1999	5.30	5.30	0.00	7.80	5.00	4.70	
563	Phạm Huyền	Trâm	22117037	25/07/2004	6.30	6.10	5.60	8.50	5.50	6.40	x
564	Phạm Thị Bảo	Trâm	20149239	16/09/2002	5.50	8.50	3.50	8.00	6.30	6.40	
565	Phan Thị Ngọc	Trâm	21123138	10/11/2003	7.30	7.50	7.50	8.00	5.80	7.20	x
566	TRẦN BẢO	TRÂM	23124246	10/04/2005	6.20	6.10	5.90	7.50	5.60	6.30	x
567	Võ Dương Minh	Trâm	20124515	12/10/2002	6.90	7.00	5.50	8.10	6.50	6.80	x
568	Phạm Bảo	Trân	21128149	25/08/2003	8.30	8.00	7.50	8.60	6.40	7.80	x
569	K'	Trâng	20126388	16/01/2001	6.00	5.50	1.50	9.00	6.10	5.60	
570	Nguyễn Huyền	Trang	22111123	17/08/2004	5.90	6.50	3.80	5.00	6.00	5.40	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
571	Nguyễn Thị Thanh	Trang	21128269	22/07/2003	7.40	7.80	5.60	8.30	6.30	7.10	x
572	Phạm Thị Huyền	Trang	21122778	21/05/2003	6.60	8.10	6.00	6.50	8.10	7.10	x
573	Phạm Thị Thùy	Trang	21123352	26/09/2003	5.90	5.60	4.10	7.50	1.10	4.80	
574	Tạ Thị Thùy	Trang	22122413	04/09/2004	4.50	8.30	3.60	7.00	6.10	5.90	
575	Hoàng Bích	Trà	21122757	23/12/2003	5.90	5.50	4.00	6.10	5.50	5.40	
576	Trần Văn	Trà	22118172	26/09/2004	3.10	5.00	5.00	7.30	6.10	5.30	
577	Đỗ Mạnh	Trí	20125762	12/06/2002	5.40	7.00	5.00	6.10	4.00	5.50	
578	Phan Minh	Trí	21139474	12/11/2003	4.90	7.30	6.00	7.80	2.50	5.70	
579	Hồ Ngô Huệ	Trinh	21124530	03/01/2003	6.90	8.30	3.00	7.80	7.60	6.70	
580	Lê Nguyễn Việt	Trinh	21111380	22/05/2003	4.50	0.00	0.40	0.00	0.00	1.00	
581	Nguyễn Kiều	Trinh	21111381	10/08/2003	6.20	7.80	6.10	7.50	6.10	6.70	x
582	Nguyễn Mai Phương	Trinh	22120194	16/08/2004	8.80	6.50	6.00	7.50	5.50	6.90	x
583	Nguyễn Trần Ngọc	Trinh	20155162	08/03/2002	3.40	5.30	1.80	7.80	5.50	4.80	
584	Đinh Ngọc Thùy	Trinh	20127151	06/03/2002	4.20	5.40	3.10	8.50	0.00	4.20	
585	Nguyễn Minh	Trực	17149184	02/09/1999	5.90	8.00	2.60	8.00	7.60	6.40	
586	Nguyễn Quốc	Trọng	21126557	23/04/2003	6.00	7.00	4.00	7.50	6.10	6.10	
587	Nguyễn Văn	Trọng	21113326	06/01/2003	5.80	8.00	6.10	8.10	6.50	6.90	x
588	Bùi Quang	Trường	22118179	06/07/2004	7.30	6.60	8.00	8.30	7.80	7.60	x
589	Lê Quang	Trường	21145087	24/01/2003	5.80	3.60	3.90	7.80	5.60	5.30	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
590	Nguyễn Đan	Trường	21122793	11/06/2003	5.20	6.00	5.00	1.30	5.00	4.50	
591	Nguyễn Nhật	Trường	22112382	14/02/2004	4.90	7.50	5.60	8.30	6.10	6.50	
592	Tiêu Lam	Trường	21113332	06/12/2003	5.30	7.80	2.00	5.60	6.80	5.50	
593	NGUYỄN THUẬN	TRUNG	23129510	08/06/2005	7.30	9.00	5.00	8.60	7.60	7.50	x
594	Trương Quang	Trung	21118402	25/09/2003	4.10	5.50	1.80	1.30	0.00	2.50	
595	Trương Quốc	Trung	21154105	11/08/2003	3.70	2.00	3.50	9.00	1.00	3.80	
596	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	21149097	29/08/2003	3.10	0.00	0.00	0.00	5.00	1.60	
597	Phạm Nhã	Trúc	21149297	30/08/2003	4.60	0.00	0.50	0.00	5.50	2.10	
598	Phạm Thanh	Trúc	20122566	21/06/2002	4.70	6.50	0.00	7.80	2.00	4.20	
599	Phan Xuân Thủy	Trúc	21116093	22/11/2003	5.60	9.10	5.60	5.00	5.90	6.20	x
600	Trần Thị Thanh	Trúc	21122790	04/07/2003	6.90	8.00	2.50	7.50	7.40	6.50	
601	Trần Thị Thanh	Trúc	21122791	06/11/2003	5.90	6.10	8.10	7.80	8.10	7.20	x
602	Huỳnh Trọng	Tuấn	21155173	05/08/2003	3.00	0.00	0.90	0.00	0.00	0.80	
603	Nguyễn Đình	Tuấn	20125783	10/04/2002	5.50	5.60	5.00	7.00	5.00	5.60	x
604	Trần Nhật	Tuấn	20154240	30/06/2002	3.70	0.00	0.10	0.00	9.10	2.60	
605	Trương Minh	Tuấn	18120270	17/01/2000	6.80	8.10	6.10	6.60	8.40	7.20	x
606	Huỳnh Thanh	Tùng	19127064	14/07/2001	4.90	8.00	2.80	7.00	2.30	5.00	
607	Trần Lê Thanh	Tùng	21154356	07/05/2003	5.90	5.30	4.30	7.80	3.00	5.30	
608	Hồ Lê Cẩm	Tú	22145087	27/04/2004	4.90	5.00	5.50	2.00	1.00	3.70	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
609	Ngô Như Tú	21154347	15/07/2003	4.20	6.50	1.80	1.80	0.00	2.90	
610	Nguyễn Huỳnh Khanh Tú	20145178	19/07/2002	4.60	0.00	0.80	0.00	5.00	2.10	
611	Nguyễn Thị Cẩm Tú	20145179	03/04/2002	5.30	6.00	3.30	3.00	7.10	4.90	
612	Trần Ngọc Tú	21145232	17/03/2003	6.10	5.00	5.00	6.30	5.00	5.50	x
613	Trương Thị Minh Tú	20113378	18/03/2002	6.00	6.10	6.60	6.60	3.60	5.80	
614	Lê Ngọc Tuyển	17131150	02/12/1999	5.30	6.60	6.40	5.60	2.80	5.30	
615	Ngô Thanh Tuyển	20111134	28/03/2002	4.50	8.30	4.10	8.50	0.90	5.30	
616	Ngô Thị Thanh Tuyển	21113340	16/07/2003	5.50	7.00	5.00	5.00	5.00	5.50	x
617	Nguyễn Ngọc Sơn Tuyển	21113341	21/03/2003	4.70	0.00	5.40	5.60	5.60	4.30	
618	Nguyễn Thị Ngọc Tuyển	15112185	26/03/1997	4.20	1.10	1.10	0.00	8.10	2.90	
619	Nguyễn Thị Ngọc Tuyển	21120581	18/05/2003	7.30	8.30	3.60	8.30	7.90	7.10	
620	Trần Thị Thanh Tuyển	21129704	25/03/2003	4.50	7.30	6.60	8.30	6.60	6.70	
621	Nguyễn Thị Anh Tuyết	21129723	04/10/2003	6.50	7.00	7.00	8.30	5.60	6.90	x
622	Trần Thị Anh Tuyết	20113180	21/12/2002	6.30	5.40	5.00	7.30	5.00	5.80	x
623	Trần Thị Ngọc Tuyết	19149104	12/10/2001	4.40	5.80	5.00	7.90	5.90	5.80	
624	Trần Văn Anh Ty	22122448	24/04/2004	3.80	7.30	2.80	1.00	0.00	3.00	
625	Dương Thị Hoàng Uyên	20125793	12/09/2001	6.30	6.60	0.90	8.50	5.00	5.50	
626	Lưu Ngọc Phương Uyên	19126262	05/10/2001	5.00	7.00	4.30	7.50	3.00	5.40	
627	Ngô Thúy Uyên	20126407	25/08/2002	5.40	4.90	5.60	6.10	2.30	4.90	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
628	Lê Thị Thùy Vân	20149255	01/12/2002	4.60	6.60	3.10	0.00	0.00	2.90	
629	Đỗ Thái Vân	18112245	16/05/2000	6.00	5.50	4.50	7.50	3.50	5.40	
630	Đoàn Thảo Vân	20112407	22/01/2002	7.20	5.50	7.00	8.80	7.10	7.10	x
631	Trương Thúy Hồng Vân	24123265	16/08/2006	6.00	0.00	3.90	8.30	3.10	4.30	
632	Nguyễn Thành Văn	20111329	27/04/2002	5.50	8.00	2.80	7.80	1.00	5.00	
633	Nguyễn Ngọc Huyền Vi	20113388	01/11/2002	5.50	6.60	5.60	8.50	3.60	6.00	
634	NGUYỄN THỊ YẾN VI	23120224	10/04/2005	6.70	5.00	6.60	7.50	7.00	6.60	x
635	Nguyễn Tường Vi	22122464	17/02/2004	5.90	8.10	5.00	8.10	5.60	6.50	x
636	Đỗ Khánh Vi	20139373	01/05/2002	2.90	3.40	2.90	0.00	5.50	2.90	
637	Trần Song Phương Vi	21112714	04/09/2003	6.90	6.50	5.00	7.30	5.90	6.30	x
638	Lê Hoàng Việt	20130464	15/03/2002	5.70	5.60	2.60	8.80	5.00	5.50	
639	Lê Huỳnh Công Việt	20153139	11/10/2002	5.90	6.30	5.00	7.50	5.00	5.90	x
640	Nguyễn Lê Quốc Việt	19126229	13/09/2001	4.90	7.00	5.80	7.80	2.50	5.60	
641	LÊ THANH NHẤT VINH	23124275	19/11/2005	5.40	7.00	7.30	8.30	6.60	6.90	x
642	Lý Thế Vinh	20112411	22/01/2002	6.40	6.10	4.10	1.90	4.10	4.50	
643	Thạch Vinh	21126259	17/09/2002	5.40	5.00	5.00	5.00	5.50	5.20	x
644	Trần Tấn Võ	21115106	23/12/2003	3.90	2.00	4.00	0.00	3.50	2.70	
645	Trần Ngọc Vương	20145186	09/10/2002	7.30	7.00	5.60	7.80	6.10	6.80	x
646	Huỳnh Thị Thảo Vy	21128272	07/12/2003	5.50	6.60	4.10	1.90	5.00	4.60	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
647	Lê Vũ Hạ	Vy	21128273	04/06/2003	6.60	6.10	3.60	7.50	3.60	5.50	
648	Lưu Nhật	Vy	21123166	17/11/2003	6.90	7.00	4.10	8.30	8.40	6.90	
649	Lưu Yến	Vy	20135040	03/01/2002	4.50	0.00	0.50	0.00	7.90	2.60	
650	Mai Tường	Vy	21139500	25/08/2003	5.90	8.00	4.10	8.10	5.00	6.20	
651	Phan Thị Hồng	Vy	21124265	02/02/2003	6.10	5.00	3.80	5.50	6.00	5.30	
652	Tô Thị Thảo	Vy	18123178	28/08/2000	5.00	5.00	6.00	7.80	3.50	5.50	
653	Võ Mai Yến	Vy	21139505	19/11/2003	4.30	4.60	2.40	7.80	5.00	4.80	
654	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	21120606	16/01/2003	6.40	8.30	8.00	7.80	8.30	7.80	x
655	Trần Nguyễn Hoài	Xuân	22111137	07/12/2004	5.60	5.00	5.00	8.00	5.00	5.70	x
656	Văn Hoa	Xuân	22126226	07/05/2004	6.60	7.00	4.30	7.50	5.00	6.10	
657	Đỗ Thị Bảo	Xuyên	21122821	03/10/2002	5.30	5.90	4.10	7.00	7.90	6.00	
658	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	21115250	18/07/2003	6.30	7.50	5.00	8.10	5.60	6.50	x
659	Nguyễn Thị	Yến	21120611	16/01/2003	6.50	8.30	2.90	7.00	1.10	5.20	
660	Trần Thị Mỹ	Yến	20125826	05/05/2002	4.00	6.10	4.80	8.10	5.60	5.70	
661	Trương Hoàng Minh	Yến	21126260	12/08/2002	5.00	6.40	3.90	7.50	7.50	6.10	
662	Nguyễn Thị Như	Y	21129842	03/11/2003	6.60	0.30	6.50	7.00	5.90	5.30	

TRUNG TÂM TIN HỌC